

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **10** /2021/QĐ-UBND

Vĩnh Phúc, ngày **15** tháng **4** năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện  
Chương trình Xúc tiến thương mại tỉnh Vĩnh Phúc**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Quốc hội;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại Quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 12/2019/QĐ-TTg ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 72/210/QĐ-TTg ngày 15/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư 171/2014/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính hỗ trợ từ Ngân sách Nhà nước để thực hiện chương trình xúc tiến thương mại quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư 11/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Bộ Công thương hướng dẫn thực hiện hoạt động Xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương thuộc chương trình cấp quốc gia về Xúc tiến thương mại;*

*Theo đề nghị của Sở Công Thương tại văn bản số 285/SCT-KHTCTH ngày 19 tháng 3 năm 2021 và báo cáo kết quả tham định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật số 176/BC-STP ngày 20/8/2020 của Sở Tư pháp,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện Chương trình Xúc tiến thương mại tỉnh Vĩnh Phúc.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày **28**/04/2021. Quyết định này thay thế Quyết định số 46/2012/QĐ-UBND ngày 09/11/2012 của UBND tỉnh ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Vĩnh Phúc.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Công Thương, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học và Công nghệ; Kho bạc Nhà nước tỉnh, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh, Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Bộ Công thương;
- Cục KTVBQPPL-Bộ Tư pháp;
- VP Chính phủ;
- TU, HĐND; Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UB MTTQ VN và các đoàn thể tỉnh;
- CPCT, CPVP;
- Như điều 2;
- TT công báo; Cổng TTGTĐT tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Vĩnh Phúc.
- CVNCTH;
- Lưu: VT.

(22) 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Vũ Chí Giang**

**QUY CHẾ**

**Xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện Chương trình Xúc tiến thương mại  
tỉnh Vĩnh Phúc**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số **10** /2021/QĐ-UBND ngày **15** tháng 04  
năm 2021 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc)*

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định việc xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại (sau đây gọi tắt là Chương trình) áp dụng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Đối tượng áp dụng:

- a) Các đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình;
- b) Các đơn vị tham gia thực hiện Chương trình;
- c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

**Điều 2. Nguyên tắc xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh**

- 1. Phù hợp chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Vĩnh Phúc.
- 2. Khi thực hiện Chương trình phải đảm bảo sử dụng kinh phí tiết kiệm, có hiệu quả và chi theo đúng chế độ tài chính hiện hành.
- 3. Đảm bảo có tác động thiết thực đến việc thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực vào lĩnh vực thương mại để thực hiện các mục tiêu kinh tế xã hội của tỉnh trong từng thời kỳ.
- 4. Hoạt động xúc tiến thương mại cụ thể phải có tính khả thi về nội dung, phương thức, thời gian, địa điểm, kinh phí và tiến độ triển khai.
- 5. Khuyến khích huy động các nguồn lực xã hội để thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại.

**Điều 3. Đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình**

1. Đơn vị chủ trì bao gồm: Trung tâm phát triển Công Thương thuộc Sở Công Thương, Hiệp hội Doanh nghiệp, Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Hội Nông dân, Sở Nông nghiệp & PTNT, Hiệp hội ngành hàng và các đơn vị được giao chức năng, nhiệm vụ XTTM trên địa bàn tỉnh có yêu cầu xúc tiến thương mại theo chuyên ngành, UBND các huyện, thành phố đáp ứng điều kiện quy định tại Quy chế này.

2. Đơn vị chủ trì phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- a) Có tư cách pháp nhân;
  - b) Có khả năng huy động các nguồn lực để tổ chức thực hiện Chương trình;
  - c) Nắm rõ nhu cầu xúc tiến thương mại của đơn vị thành viên;
  - d) Có kinh nghiệm, năng lực trong việc tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại;
- đ) Thực hiện Chương trình nhằm mang lại lợi ích cho các đối tượng tham gia, không nhằm mục đích lợi nhuận.

3. Các đơn vị chủ trì tiếp nhận kinh phí hỗ trợ để triển khai thực hiện Chương trình và có trách nhiệm quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định hiện hành của Nhà nước.

#### **Điều 4. Đơn vị tham gia thực hiện Chương trình**

Đơn vị tham gia thực hiện Chương trình là các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, hợp tác xã, chủ trang trại, hộ nông dân có đăng ký kinh doanh có trụ sở chính hoặc chi nhánh (liên doanh, liên kết) và có hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc là đối tượng thụ hưởng phần hỗ trợ kinh phí xúc tiến thương mại theo quy định tại Quy chế này.

#### **Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện Chương trình**

Kinh phí thực hiện Chương trình được hình thành từ các nguồn sau:

1. Ngân sách Nhà nước cấp hàng năm theo kế hoạch.
2. Đóng góp của các tổ chức, doanh nghiệp tham gia Chương trình.
3. Tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.
4. Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 6. Quản lý chương trình và kinh phí xúc tiến thương mại tỉnh**

1. Sở Công Thương xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí xúc tiến thương mại tỉnh và tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm của Sở Công Thương, trình cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

2. Sau khi Sở Tài chính thông báo dự toán chi ngân sách cho Chương trình xúc tiến thương mại, Giám đốc Sở Công Thương chỉ đạo triển khai Chương trình theo nguyên tắc tổng kinh phí hỗ trợ để thực hiện các đề án của Chương trình không vượt quá tổng dự toán được phê duyệt.

3. Trung tâm phát triển Công Thương trực thuộc Sở Công Thương là đơn vị có trách nhiệm tổng hợp và làm đầu mối thanh quyết toán với ngân sách các khoản chi hỗ trợ từ kinh phí xúc tiến thương mại hàng năm.

4. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương hướng dẫn việc lập dự toán, phân bổ, sử dụng và thanh quyết toán các khoản kinh phí xúc tiến thương mại tỉnh theo quy định của pháp luật

## **Chương II** **NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH VÀ MỨC HỖ TRỢ**

### **Mục 1.** **NỘI DUNG VÀ MỨC HỖ TRỢ ĐỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH** **XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI PHÁT TRIỂN NGOẠI THƯƠNG**

#### **Điều 7. Tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm quốc tế ở nước ngoài**

##### **1. Nội dung thực hiện**

##### **a) Tuyên truyền, quảng bá:**

- Tuyên truyền, quảng bá trên các phương tiện truyền thông, các hình thức quảng bá của hội chợ, triển lãm;

- Tổ chức giới thiệu thông tin về hội chợ, triển lãm, đoàn doanh nghiệp tham gia hội chợ, triển lãm;

- Tổ chức văn nghệ thu hút khách tham quan đối với hội chợ, triển lãm do tỉnh Vĩnh Phúc tổ chức hoặc đồng tổ chức ở nước ngoài có quy mô từ 100 gian hàng trở lên (nếu có).

##### **b) Tổ chức và dàn dựng khu triển lãm của tỉnh Vĩnh Phúc (nếu có);**

**c) Tổ chức, dàn dựng gian hàng:** Thiết kế tổng thể và chi tiết; Mặt bằng, dịch vụ điện, nước, an ninh, bảo vệ, vệ sinh, môi trường; Dàn dựng khu vực thông tin xúc tiến thương mại chung, trình diễn sản phẩm (nếu có); Dàn dựng gian hàng; Trang trí chung.

**d) Lễ khai mạc (đối với hội chợ, triển lãm do tỉnh Vĩnh Phúc tổ chức hoặc đồng tổ chức có quy mô từ 100 gian hàng của doanh nghiệp Việt Nam trở lên hoặc tham gia hội chợ, triển lãm ở nước ngoài có quy mô từ 30 gian hàng trở lên):** Mời khách, lễ tân, trang trí, văn nghệ, sân khấu, âm thanh, ánh sáng;

**đ) Công tác phí cho người của đơn vị chủ trì tham gia tổ chức (hỗ trợ công tác phí cho 01 người của đơn vị chủ trì đi theo đoàn thực hiện công tác tổ chức đối với đoàn có dưới 08 doanh nghiệp, hỗ trợ 02 người cho đoàn có từ 08-15 doanh nghiệp, hỗ trợ 03 người cho đoàn có từ 16-30 doanh nghiệp, 04 người cho đoàn có từ 31-50 doanh nghiệp và 05 người cho đoàn từ 51 doanh nghiệp trở lên);**

**e) Tổ chức hội thảo:** Hội trường, thiết bị, trang trí, âm thanh, ánh sáng, phiên dịch, an ninh, lễ tân, giải khát giữa giờ, tài liệu, diễn giả (nếu có);

##### **g) Tư vấn lựa chọn sản phẩm tham gia (nếu có).**

**2. Quy mô:** Hội chợ, triển lãm đa ngành có quy mô tối thiểu 12 gian hàng và tối thiểu 12 doanh nghiệp tham gia. Hội chợ, triển lãm chuyên ngành có quy mô tối thiểu 06 gian hàng và tối thiểu 06 doanh nghiệp tham gia.

**3. Nội dung hỗ trợ:** Nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện các nội dung quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d và điểm đ khoản 1 Điều này; kinh phí thực hiện các nội dung quy định tại điểm e, điểm g khoản 1 Điều này do đơn vị chủ trì, tổ chức, doanh nghiệp tham gia tự chi trả.

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 200 triệu đồng/1 đơn vị tham gia

**Điều 8. Tổ chức hội chợ, triển lãm tại Vĩnh Phúc với sản phẩm xuất khẩu.**

1. Nội dung thực hiện

a) Tuyên truyền, quảng bá: Tuyên truyền, quảng bá trên các phương tiện truyền thông; Tổ chức giới thiệu, thông tin về hội chợ, triển lãm.

b) Tổ chức, dàn dựng gian hàng: Thiết kế tổng thể và chi tiết; Dàn dựng gian hàng; Trang trí chung.

c) Mặt bằng tổ chức hội chợ, triển lãm;

d) Dịch vụ: Điện, nước, vệ sinh, môi trường, an ninh, bảo vệ, phòng cháy chữa cháy, y tế, internet;

đ) Lễ khai mạc và các sự kiện liên quan trong khuôn khổ hội chợ, triển lãm;

e) Các hoạt động tổ chức, quản lý hội chợ, triển lãm.

2 Quy mô:

a) Hội chợ, triển lãm đa ngành có quy mô tối thiểu 300 gian hàng quy theo gian hàng tiêu chuẩn (3m x 3m) và 150 đơn vị tham gia của Việt Nam khi tổ chức ở thành phố Vĩnh Yên, Phúc Yên, 200 gian hàng tiêu chuẩn và 100 đơn vị tham gia của Việt Nam khi tổ chức ở các địa phương khác trong tỉnh;

b) Hội chợ, triển lãm chuyên ngành có quy mô tối thiểu 100 gian hàng của doanh nghiệp Việt Nam quy theo gian hàng tiêu chuẩn (3m x 3m) khi tổ chức ở thành phố Vĩnh Yên, Phúc Yên, 80 gian hàng của doanh nghiệp Việt Nam quy theo gian hàng tiêu chuẩn (3m x 3m) khi tổ chức ở các địa phương khác trong tỉnh.

3. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện các nội dung qui định tại điểm a và b, hỗ trợ 50% kinh phí thực hiện các nội dung quy định tại điểm c, điểm d, điểm đ và điểm e khoản 1 Điều này; Mức hỗ trợ tối đa nội dung này là 12 triệu đồng/1 đơn vị tham gia.

**Điều 9. Tổ chức đoàn giao dịch thương mại ở nước ngoài.**

1. Nội dung thực hiện

a) Tuyên truyền, quảng bá và mời các tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài đến giao thương: Tuyên truyền, quảng bá trên các phương tiện truyền thông; Tổ chức giới thiệu, thông tin về đoàn doanh nghiệp.

b) Tổ chức hội thảo, giao thương: Hội trường, thiết bị, trang trí, khu trưng bày sản phẩm mẫu, phiên dịch, lễ tân, giải khát giữa giờ, tài liệu, thẻ tên, văn phòng phẩm;

c) Công tác phí cho người của đơn vị chủ trì tham gia tổ chức (hỗ trợ công tác phí cho 01 người của đơn vị chủ trì đi theo đoàn thực hiện công tác tổ chức đối với đoàn có dưới 08 doanh nghiệp, hỗ trợ 02 người cho đoàn có từ 08-15 doanh nghiệp, hỗ trợ 03 người cho đoàn có từ 16-30 doanh nghiệp, 04 người cho đoàn có từ 31-50 doanh nghiệp và 05 người cho đoàn từ 51 doanh nghiệp trở lên);

d) Các hoạt động tổ chức, quản lý của đơn vị chủ trì;

đ) Đơn vị tham gia: Vé máy bay/ vé tàu/ vé xe, chi phí vận chuyển hàng mẫu, ăn, ở, đi lại.

2. Quy mô: Tối thiểu 15 đơn vị tham gia đối với đoàn đa ngành, 07 đơn vị tham gia đối với đoàn chuyên ngành

3. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện các nội dung quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 1 Điều này, kinh phí thực hiện các nội dung quy định tại điểm d, điểm đ khoản 1 Điều này do đơn vị tổ chức, doanh nghiệp tham gia tự chi trả

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là: 40 triệu đồng/01 đơn vị tham gia giao dịch thương mại tại khu vực Châu Á; 60 triệu đồng/01 đơn vị tham gia giao dịch thương mại tại khu vực: Châu Âu, Châu Phi, Châu Úc, Bắc Mỹ, Tây Á; 100 triệu đồng/01 đơn vị tham gia giao dịch thương mại tại khu vực Trung Mỹ, Mỹ La Tinh.

### **Điều 10. Tổ chức hội nghị quốc tế tại Vĩnh Phúc về ngành hàng xuất khẩu**

1. Nội dung thực hiện

a) Tuyên truyền, quảng bá: Mời các tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài và Việt Nam; Tổ chức giới thiệu, thông tin về Hội nghị quốc tế ngành hàng.

b) Hội trường, thiết bị, trang trí, phiên dịch, biên dịch, in ấn tài liệu, giải khát giữa giờ;

c) Báo cáo viên, thuyết trình viên: Thù lao, ăn, ở, đi lại tại Việt Nam;

d) Tổ chức quản lý của đơn vị chủ trì: Công tác phí cho người của đơn vị chủ trì tham gia tổ chức, bưu chính, điện thoại, văn phòng phẩm.

2. Quy mô: Tối thiểu 60 doanh nghiệp Việt Nam, 20 doanh nghiệp và tổ chức nước ngoài sản xuất, kinh doanh, hoạt động trong lĩnh vực ngành hàng liên quan.

3. Nội dung được hỗ trợ: Hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện các nội dung tại điểm a, điểm b và điểm d quy định tại khoản 1 Điều này.

### **Điều 11. Tổ chức đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực xúc tiến thương mại, phát triển thị trường tại tỉnh Vĩnh Phúc.**

1. Nội dung thực hiện

a) Biên soạn nội dung đào tạo, tập huấn;

b) Biên dịch, phiên dịch;

c) In ấn tài liệu, văn phòng phẩm;

d) Giảng viên, báo cáo viên: Thù lao, ăn, ở, đi lại;

đ) Hội trường, thiết bị, trang trí, giải khát giữa giờ;

e) Tổ chức quản lý của đơn vị chủ trì: Công tác phí cho người của đơn vị chủ trì tham gia tổ chức, quảng bá, mời tham gia, bưu chính, điện thoại.

2. Quy mô: Tối thiểu 50 đơn vị tham gia,

3. Nội dung hỗ trợ

a) Hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Mỗi đơn vị tham gia hỗ trợ không quá 02 học viên.

**Điều 12. Tổ chức tham gia khảo đào tạo trọn gói của các tổ chức đào tạo( trực tiếp và trực tuyến) tại tỉnh Vĩnh Phúc.**

1. Nội dung thực hiện:

a) Học phí trọn gói của khóa học;

b) Tổ chức quản lý của đơn vị chủ trì: Công tác phí cho người của đơn vị chủ trì tham gia tổ chức, quảng bá, mời tham gia, bưu chính, điện thoại.

2. Quy mô: Tối thiểu 10 đơn vị tham gia khóa học trực tiếp, 20 đơn vị tham gia khóa học trực tuyến.

3. Nội dung được hỗ trợ:

a) Hỗ trợ 50% kinh phí thực hiện nội dung quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Mỗi đơn vị tham gia được hỗ trợ không quá 02 học viên.

## **Mục 2.**

### **NỘI DUNG VÀ MỨC HỖ TRỢ ĐỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC**

**Điều 13. Điều tra, khảo sát, nghiên cứu thị trường trong nước.**

1. Nội dung thực hiện:

a) Chi phí mua tư liệu;

b) Chi phí điều tra, khảo sát và tổng hợp tư liệu;

c) Chi phí xuất bản và phát hành;

d) Các khoản chi khác (nếu có).

2. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện nội dung quy định tại khoản 1 Điều này, bao gồm các chi phí liên quan đến việc điều tra, khảo sát, xây dựng cơ sở dữ liệu, phát triển hệ thống phân phối, xuất bản các ấn phẩm, đề án...

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 1 triệu đồng/1 đơn vị đăng ký và nhận thông tin.

**Điều 14. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về hàng hóa và dịch vụ Việt Nam đến người tiêu dùng trong nước.**

1. Nội dung thực hiện:

a) Truyền thông trên báo giấy;



- b) Truyền thông báo điện tử;
- c) Truyền thanh, truyền hình, ấn phẩm;
- d) Các hình thức phổ biến thông tin khác.

2. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ 100% chi phí thực hiện nội dung sản phẩm truyền thông và phát hành, mức hỗ trợ tối đa nội dung này là 95 triệu đồng/ 1 chuyên đề tuyên truyền

**Điều 14. Tổ chức Đào tạo, tập huấn ngắn hạn về kỹ năng kinh doanh, tổ chức mạng lưới bán lẻ, phát triển thị trường trong nước.**

1. Nội dung thực hiện:

- a) Chi phí giảng viên, thuê lớp học, thiết bị giảng dạy, tài liệu cho học viên và các khoản chi khác (nếu có);
- b) Học phí trọn gói của khoá học.

2. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ 100% chi phí thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này

**Điều 15. Tổ chức các hội chợ, triển lãm hàng tiêu dùng tổng hợp hoặc vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn, giới thiệu các sản phẩm của doanh nghiệp Việt Nam đến người tiêu dùng.**

1. Nội dung thực hiện:

- a) Thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng gian hàng;
- b) Dịch vụ phục vụ: Điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ (nếu chưa có trong chi phí thuê mặt bằng và gian hàng);
- c) Chi phí quản lý của đơn vị tổ chức hội chợ triển lãm;
- d) Trang trí chung của hội chợ triển lãm;
- đ) Tổ chức khai mạc, bế mạc: Giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng;
- e) Tổ chức hội thảo: Chi phí thuê hội trường, thiết bị;
- f) Chi phí tuyên truyền quảng bá giới thiệu hội chợ triển lãm;
- g) Các khoản chi khác (nếu có).

2. Quy mô:

a) Tổ chức tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trong các trường hợp sau:

- Hội chợ triển lãm đa ngành có quy mô tối thiểu là: 300 gian hàng tiêu chuẩn hoặc 150 doanh nghiệp tham gia khi tổ chức ở thành phố trực thuộc Trung ương; 200 gian hàng tiêu chuẩn hoặc 100 doanh nghiệp tham gia khi tổ chức ở các tỉnh khác.

- Hội chợ triển lãm chuyên ngành có quy mô tối thiểu là: 200 gian hàng tiêu chuẩn hoặc 100 doanh nghiệp tham gia khi tổ chức ở thành phố trực thuộc Trung ương; 150 gian hàng tiêu chuẩn hoặc 75 doanh nghiệp tham gia khi tổ chức ở các địa phương khác.

b) Tổ chức tại tỉnh Vĩnh Phúc, trong các trường hợp sau:

- Hội chợ triển lãm đa ngành có quy mô tối thiểu là: 200 gian hàng tiêu chuẩn khi tổ chức ở thành phố Vĩnh Yên và thành phố Phúc Yên; 100 gian hàng tiêu chuẩn khi tổ chức ở các huyện khác trong tỉnh.

- Hội chợ triển lãm chuyên ngành có quy mô tối thiểu là: 150 gian hàng tiêu chuẩn khi tổ chức ở thành phố Vĩnh Yên, Phúc Yên; 90 gian hàng tiêu chuẩn khi tổ chức ở các huyện khác trong tỉnh.

3. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ 50% chi phí thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này; Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 10 triệu đồng/1 đơn vị tham gia.

**Điều 16. Tổ chức các Chương trình đưa hàng Việt về miền núi, vùng nông thôn, các khu công nghiệp, khu đô thị.**

1. Nội dung thực hiện:

a) Chi phí vận chuyên;

b) Chi phí thuê mặt bằng, dàn dựng gian hàng, điện nước, an ninh, vệ sinh môi trường;

c) Chi phí tuyên truyền, quảng bá giới thiệu chương trình tổ chức bán hàng và hệ thống phân phối hàng hóa;

d) Các khoản chi phí khác (nếu có)

2. Quy mô: Tối thiểu 20 gian hàng và 10 đơn vị (Doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh)/1 phiên chợ.

3. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ 100% chi phí thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này với các chương trình đưa hàng Việt về miền núi tại các huyện: Sông Lô, Lập Thạch, Tam Đảo, mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 150 triệu đồng/ 1 phiên. Hỗ trợ 70% chi phí thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này với các chương trình đưa hàng Việt về nông thôn, các khu công nghiệp, đô thị tại các huyện: Vĩnh Tường, Yên Lạc, Bình Xuyên, Tam Dương; thành phố Vĩnh Yên, Phúc Yên, mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 105 triệu đồng/ 1 phiên.

**Điều 17. Tổ chức đoàn giao dịch thương mại ở các tỉnh, thành trong nước.**

1. Nội dung thực hiện

a) Tuyên truyền, quảng bá và mời các tổ chức, doanh nghiệp trong nước đến giao thương: Tuyên truyền, quảng bá trên các phương tiện truyền thông; Tổ chức giới thiệu, thông tin về đoàn doanh nghiệp.

b) Tổ chức hội thảo, giao thương: Hội trường, thiết bị, trang trí, khu trưng bày sản phẩm mẫu, lễ tân, giải khát giữa giờ, tài liệu, thẻ tên, văn phòng phẩm;

c) Chi phí đi lại của đoàn, công tác phí cho người của đơn vị chủ trì tham gia tổ chức (hỗ trợ công tác phí cho 01 người của đơn vị chủ trì đi theo đoàn thực hiện công tác tổ chức đối với đoàn có dưới 08 doanh nghiệp, hỗ trợ 02 người cho đoàn có từ 08-15 doanh nghiệp, hỗ trợ 03 người cho đoàn có từ 16-30 doanh nghiệp, 04 người cho đoàn có từ 31-50 doanh nghiệp và 05 người cho đoàn từ 51 doanh nghiệp trở lên) ;

d) Các hoạt động tổ chức, quản lý của đơn vị chủ trì;

đ) Đơn vị tham gia: Chi phí vận chuyển hàng mẫu, ăn, ở.

2. Qui mô: Tối thiểu 15 đơn vị tham gia đối với đoàn đa ngành, 07 đơn vị tham gia đối với đoàn chuyên ngành.

3. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện các nội dung quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 1 Điều này, kinh phí thực hiện các nội dung quy định tại điểm d, điểm đ khoản 1 Điều này do đơn vị tổ chức, doanh nghiệp tham gia tự chi trả

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là: 20 triệu đồng/01 đơn vị tham gia giao dịch thương mại tại các tỉnh thành trong nước.

**Điều 18. Tổ chức các sự kiện xúc tiến thương mại nhằm phát triển thị trường nội địa:**

1. Nội dung thực hiện.

a) Tháng khuyến mại;

b) Tuần hàng Việt Nam;

c) Chương trình hàng Việt;

d) Chương trình giới thiệu sản phẩm mới.

2. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ 50% chi phí, bao gồm chi phí tuyên truyền; chi phí tổ chức và quản lý.

### **Chương III**

## **TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI CỦA TỈNH HÀNG NĂM**

**Điều 19. Xây dựng Chương trình xúc tiến thương mại của tỉnh hàng năm**

Cuối tháng 9 hàng năm, trên cơ sở xem xét, lựa chọn các đơn vị có đủ điều kiện đăng ký tham gia Chương trình, các đơn vị chủ trì xây dựng Đề án xúc tiến thương mại theo các nội dung sau:

1. Phù hợp với nhu cầu thực tế của đơn vị;
2. Phù hợp với phát triển ngoại thương của tỉnh và mặt hàng hỗ trợ phát triển;
3. Phù hợp với nội dung chương trình quy định tại Điều 4, Điều 8, Điều 9 Quy chế này;
4. Đảm bảo tính khả thi về: Nội dung, phương thức triển khai, thời gian, tiến độ triển khai, nguồn nhân lực và kinh phí được cấp.

#### **Điều 20. Lập, thông qua Chương trình**

1. Tháng 10 hàng năm Sở Công Thương sẽ tiến hành làm việc với các sở, ban, ngành, và các đơn vị có liên quan để thảo luận việc xây dựng dự thảo Chương trình xúc tiến thương mại của tỉnh năm kế tiếp.
2. Tháng 10 hàng năm, Sở Công Thương gửi văn bản đăng ký Chương trình xúc tiến thương mại của tỉnh năm kế tiếp cho các sở, ban, ngành, các đơn vị có liên quan để đăng ký nội dung và kinh phí thực hiện Chương trình.
3. Trên cơ sở văn bản góp ý của các đơn vị, Sở Công Thương hoàn chỉnh và gửi Sở Tài chính thẩm định về mặt kinh phí thực hiện Chương trình.
4. Sở Công Thương tiếp tục hoàn chỉnh Chương trình và trình UBND tỉnh Vĩnh Phúc phê duyệt trong tháng 12 hàng năm.

#### **Điều 21. Điều chỉnh Chương trình**

1. Trường hợp có điều chỉnh, thay đổi nội dung, thời gian thực hiện đề án đã được phê duyệt, các đơn vị chủ trì phải có văn bản giải thích rõ lý do và kiến nghị phương án điều chỉnh gửi Sở Công Thương.
2. Trường hợp xét thấy cần thay đổi nội dung các chương trình nhỏ chưa phù hợp với yêu cầu và tình hình cụ thể, trên cơ sở văn bản đề nghị của đơn vị chủ trì, Sở Công Thương trình UBND tỉnh Vĩnh Phúc xem xét, phê duyệt.
3. Khi có sự chỉ đạo của Bộ Công Thương, Tỉnh ủy hoặc UBND tỉnh Vĩnh Phúc về điều chỉnh, bổ sung một số nội dung chương trình xúc tiến thương mại, Sở Công Thương sẽ trình UBND tỉnh Vĩnh Phúc xem xét, phê duyệt.
4. Sau khi có quyết định điều chỉnh, bổ sung thực hiện đề án, Sở Công Thương sẽ phối hợp Sở Tài chính thực hiện điều chỉnh, cấp bổ sung kinh phí theo quy định.
5. Trường hợp phát hiện các đơn vị thực hiện và các đơn vị tham gia không đáp ứng nội dung, tiến độ chương trình hoặc nội dung chương trình không còn phù hợp, Sở Công Thương báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định chấm dứt việc thực hiện chương trình.

## **Chương IV**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 22. Trách nhiệm thực hiện**

##### **1. Sở Công Thương**

- a) Chủ trì hướng dẫn và tổ chức thực hiện Quy chế này.
- b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan giám sát, kiểm tra việc thực hiện Chương trình, bảo đảm Chương trình được thực hiện theo đúng yêu cầu, mục tiêu, nội dung, tiến độ và quy định của pháp luật.
- c) Chịu trách nhiệm theo dõi, tổng hợp việc thực hiện Chương trình.
- d) Tổng kết việc thực hiện quy chế; báo cáo UBND tỉnh Vĩnh Phúc xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung quy chế trong trường hợp cần thiết.
- đ) Chương trình xúc tiến thương mại hàng năm sau khi được UBND tỉnh Vĩnh Phúc phê duyệt, ngoài việc gửi cho các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố, các hiệp hội ngành hàng và các đơn vị có liên quan, Sở Công Thương Vĩnh Phúc còn thông báo trên các website của sở.

##### **2. Sở Tài chính**

Phối hợp Sở Công Thương thẩm định kinh phí xúc tiến thương mại hàng năm, hướng dẫn thanh quyết toán kinh phí theo quy định.

##### **3. Các sở, ban, ngành khác; UBND các huyện, thành phố**

Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, hiệp hội ngành hàng, và các đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp với Sở Công Thương và các đơn vị chủ trì trong việc tổ chức hiệu quả các đề án xúc tiến thương mại tỉnh, nhằm tăng cường hợp tác kinh tế, thương mại với các tỉnh trong nước và nước ngoài.

##### **4. Đơn vị chủ trì**

- a) Tổ chức thực hiện Chương trình đã được phê duyệt theo đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ và dự toán;
- b) Lựa chọn đối tượng tham gia phù hợp với tiêu chí theo quy định. Nội dung tham gia của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh phải phù hợp chương trình tổ chức;
- c) Sau khi thực hiện từng chương trình phải có báo cáo kết quả gửi về Sở Công Thương;
- d) Cung cấp đầy đủ tài liệu, thông tin trung thực liên quan đến tình hình thực hiện Chương trình và tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát theo quy định hiện hành.

##### **5. Đơn vị tham gia**

- a) Thực hiện đăng ký hồ sơ Chương trình theo quy định;
- b) Có trách nhiệm báo cáo tình hình, đánh giá kết quả tham gia Chương trình cho đơn vị chủ trì;

c) Cung cấp đầy đủ chứng từ, phối hợp chặt chẽ với đơn vị chủ trì thực hiện thanh quyết toán sau khi Chương trình kết thúc.

**Điều 23. Tổ chức thực hiện**

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy chế này, nếu phát sinh những khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Công Thương để nghiên cứu, tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp. /.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Vũ Chí Giang**